

d) Trẻ dị dạng, dị tật là con đẻ của những đối tượng nêu ở điểm b, Khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

2. Nội dung điều tra gồm:

a) Số lượng người bị hậu quả chất độc hóa học nêu trong Khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

b) Các dạng dị tật của trẻ em do hậu quả chất độc hóa học.

c) Xác định tình trạng sức khỏe, bệnh tật và khả năng lao động của các đối tượng nêu trong Khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

d) Tình hình thu nhập, đời sống của các gia đình có người bị hậu quả chất độc hóa học.

đ) Những chính sách, giải pháp của Nhà nước, sự giúp đỡ của cộng đồng đối với nạn nhân bị hậu quả chất độc hóa học: thực trạng và phương hướng giải quyết.

3. Thời gian thực hiện cuộc điều tra: 2 năm (1998-1999).

Điều 2.- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm xây dựng phương án và phối hợp với các cơ quan có liên quan, các địa phương tổ chức thực hiện việc điều tra, xác định nạn nhân bị hậu quả chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam và tổng hợp báo cáo kết quả.

Điều 3.- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thống nhất với Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư về kinh phí cho cuộc điều tra.

Điều 4.- Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 5.- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHẠM GIA KHIÊM

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 75/1998/QĐ-TTg ngày 4-4-1998 quy định về mã số đối tượng nộp thuế.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý đối tượng nộp thuế và thu nộp ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế là đối tượng nộp thuế theo pháp luật Việt Nam đều phải thực hiện kê khai, đăng ký thuế với cơ quan thuế để được cấp mã số xác định đối tượng nộp thuế (gọi tắt là mã số thuế).

Điều 2.- Mã số thuế là một dãy số được quy định theo một nguyên tắc thống nhất để cấp cho từng đối tượng nộp thuế. Mã số thuế được sử dụng để nhận diện đối tượng nộp thuế. Mỗi một đối tượng nộp thuế chỉ được cấp một mã số thuế duy nhất trong suốt quá trình hoạt động từ khi thành lập đến khi chấm dứt hoạt động. Mã số thuế đã được cấp sẽ không được sử dụng lại để cấp cho đối tượng nộp thuế khác.

Điều 3.- Các đối tượng thuộc diện phải kê khai, đăng ký thuế theo quy định tại Điều 1 của Quyết định này phải thực hiện kê khai đầy đủ, chính xác các chỉ tiêu theo mẫu "tờ khai đăng ký thuế" với cơ quan thuế địa phương để được cấp mã số thuế. Khi có sự thay đổi các chỉ tiêu đã đăng ký, các đối tượng nộp thuế phải khai báo ngay với cơ quan thuế cấp mã số các chỉ tiêu thay đổi này.

Điều 4.- Cơ quan thuế có trách nhiệm cung cấp mẫu "tờ khai đăng ký thuế" và hướng dẫn việc kê khai, đăng ký thuế cho các đối tượng thuộc diện phải đăng ký. Khi nhận được tờ khai đăng ký thuế của các đối tượng nộp thuế, cơ quan thuế phải tiến hành kiểm tra các thông tin kê khai và cấp chứng nhận đăng ký kèm mã số thuế cho các đối tượng chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được tờ kê khai đăng ký thuế của đối tượng nộp thuế.

Điều 5.- Các đối tượng nộp thuế phải thực hiện các thủ tục kê khai, đăng ký thuế để được cấp mã số. Đối tượng nộp thuế nào không thực hiện đúng các quy định về kê khai, đăng ký thuế và sử dụng mã số tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt theo pháp luật.

Điều 6.- Các đối tượng nộp thuế phải ghi mã số thuế của mình trên mọi giấy tờ giao dịch, chứng từ hóa đơn mua, bán, trao đổi kinh doanh, trên các sổ sách kế toán, trên các giấy tờ kê khai thuế, chứng từ nộp thuế và các mẫu biểu kê khai với các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 7.- Các Bộ, ngành quản lý nhà nước và các cơ quan chuyên ngành có trách nhiệm bổ sung phần ghi mã số thuế của đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý trong các biểu khai báo và các chứng từ có liên quan đến các đối tượng nộp thuế và khi cập nhật thông tin của các đối tượng nộp thuế vào hệ thống thông tin dữ liệu của mình, từng bước thực hiện thống nhất việc trao đổi thông tin giữa các Bộ, ngành liên quan.

Điều 8.- Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 1998. Bộ Tài chính xây dựng và ban hành mã số thuế, công bố thời gian bắt đầu sử dụng mã số thuế, và chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Điều 9.- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực

thuộc Trung ương, các đối tượng nộp thuế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 76/1998/QĐ-TTg ngày 4-4-1998 về việc thành lập Vụ Kế hoạch - Tài chính thuộc Tổng cục Thống kê.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 23-CP ngày 23-3-1994 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Thống kê;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Tổng Cục trưởng Tổng cục Thống kê,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Thành lập Vụ Kế hoạch - Tài chính thuộc Tổng cục Thống kê trên cơ sở Phòng Kế hoạch - Tài chính hiện nay để giúp Tổng Cục trưởng Tổng cục Thống kê về công tác kế hoạch - tài chính của Tổng cục.

Nhiệm vụ cụ thể của Vụ Kế hoạch - Tài chính do Tổng Cục trưởng Tổng cục Thống kê quy định.